

BỘ TIÊU CHUẨN
QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG THEO NHÓM



VFCS SD 1001:2019

Văn phòng chứng chỉ rừng
Phòng 309, Tòa nhà A9, Số 2, Ngọc Hà
Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam
ĐT: +84 38438792; Fax: +84 38438793
Email: vanphongvfco@gmail.com
Web: www.vfcs.vnforest.gov.vn

Thông tin bản quyền

© VFCS 2019

Tài liệu này thuộc bản quyền của Hệ thống cấp chứng chỉ rừng Quốc gia (VFCS). Có thể truy cập miễn phí tài liệu này tại trang web của Tổng cục Lâm nghiệp hoặc liên hệ trực tiếp Văn phòng Chứng chỉ rừng Việt Nam.

Tất cả các phần trong tài liệu này đều được bảo vệ bản quyền; nghiêm cấm thay đổi; chỉnh sửa; hay tái xuất bản dưới mọi hình thức hay phương tiện nào vì mục đích thương mại mà chưa được sự cho phép từ Văn phòng Chứng chỉ rừng.

Tên tài liệu: Bộ tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững theo nhóm

Mã tài liệu: VFCS/PEFC ST 1004:2019

Phê duyệt bởi: Văn phòng chứng chỉ rừng

Ngày ban hành: 6/9/2019

Ngày có hiệu lực: 6/9/2019

MỤC LỤC

I. GIỚI THIỆU CHUNG	5
II. CĂN CỨ BAN HÀNH.....	6
III. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI ÁP DỤNG.....	6
IV. GIẢI THÍCH CÁC TỪ NGỮ	7
4.1. Các bên liên quan bị ảnh hưởng.....	7
4.2. Hoạt động đánh giá	7
4.3. Diện tích rừng được cấp chứng chỉ.....	7
4.4. Thông tin dữ liệu.....	7
4.5. Tài liệu xác nhận sự tham gia vào Chứng chỉ nhóm.....	7
4.6. Chủ sở hữu/quản lý rừng.....	7
4.7. Chủ thể nhóm	8
4.8. Chứng nhận rừng theo nhóm.....	8
4.9. Chứng chỉ rừng theo nhóm.....	8
4.10. Kế hoạch quản lý nhóm.....	8
4.11. Hệ thống quản lý nhóm.....	8
4.12. Tổ chức nhóm.....	8
4.13. Đánh giá nội bộ	9
4.14. Giám sát.....	9
4.15. Tổ chức.....	9
4.16. Thành viên nhóm.....	9
4.17. Chính sách	9
4.18. Các bên liên quan.....	9
V. BỐI CẢNH CỦA TỔ CHỨC NHÓM	10
5.1. Tổ chức nhóm và bối cảnh của tổ chức nhóm	10
5.2. Những nhu cầu và mong muốn của các bên chịu ảnh hưởng	10
5.3. Xác định phạm vi của hệ thống quản lý nhóm.....	10
5.4. Hệ thống quản lý nhóm.....	10

VI. CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ CỦA TỔ CHỨC NHÓM.....	11
6.1. Vai trò, trách nhiệm và quyền hạn của tổ chức nhóm	11
6.2. Thực hiện cam kết và chính sách	13
VII. LẬP KẾ HOẠCH.....	14
VIII. HỖ TRỢ	14
IX. VẬN HÀNH HOẠT ĐỘNG TỔ CHỨC NHÓM.....	15
X. ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN QUẢN LÝ RỪNG THEO NHÓM	15
10.1. Theo dõi, đo đếm, phân tích và đánh giá	15
10.2. Đánh giá nội bộ	16
10.3. Cách lựa chọn thành viên nhóm trong hoạt động đánh giá nội bộ	17
10.4. Rà soát việc quản lý	19
XI. SỰ CẢI TIẾN.....	19
11.1. Sự không tuân thủ và hành động khắc phục	19
11.2. Không ngừng cải tiến	20

I. GIỚI THIỆU CHUNG

Ở Việt Nam, phần lớn diện tích rừng trồng sản xuất thường được quản lý bởi các hộ gia đình nhỏ lẻ. Sự hạn chế về nguồn lực kinh tế cũng như tiếp cận tiến bộ khoa học, kỹ thuật trong sản xuất kinh doanh rừng của những hộ gia đình nhỏ lẻ là những rào cản chủ yếu trong việc tiếp cận cấp chứng chỉ rừng. Một trong những nguyên nhân chính dẫn đến sự khó khăn trong hoạt động quản lý cũng như quy vòng vốn của đối tượng hộ gia đình bao gồm: thiếu sự đầu tư, quy mô nhỏ, quá trình thực hiện thiếu liên tục, hạn chế trong việc tiếp cận thông tin, thiếu sự hỗ trợ về kiến thức và kỹ thuật, thiếu sự liên kết, thiếu sự tiếp cận tham gia trong quá trình cấp chứng chỉ rừng.

Vì vậy, chứng chỉ rừng theo nhóm hộ là một trong những cách tiếp cận thay thế cho chứng chỉ rừng riêng lẻ, cho phép chủ sở hữu và người quản lý rừng nhỏ lẻ được tự nguyện tham gia và được cấp chung theo một chứng chỉ rừng, qua đó chia sẻ các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ chứng chỉ rừng và chia sẻ trách nhiệm chung trong quá trình quản lý rừng. Cách tiếp cận này giúp cải thiện việc phổ biến thông tin cũng như sự hợp tác trong quá trình quản lý rừng giữa các chủ sở hữu và người quản lý rừng nhỏ lẻ.

Bộ tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững theo nhóm được Văn phòng chứng chỉ rừng (VFCS) ban hành, nhằm thúc đẩy quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ rừng ở Việt Nam. Bộ tiêu chuẩn này quy định các yêu cầu về quản lý rừng bền vững (QLRBV) áp dụng cho các nhóm chủ rừng và là cơ sở để các tổ chức cấp chứng chỉ sử dụng để đánh giá và cấp chứng chỉ rừng theo Hệ thống Chứng chỉ rừng Quốc gia (VFCS).

Quá trình ban hành Bộ tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững theo nhóm tuân thủ theo nguyên tắc xây dựng độc lập, có sự tham gia của các bên liên quan một cách công khai, minh bạch và có sự đồng thuận của các bên tham gia. Các bước xây dựng và ban hành Bộ tiêu chuẩn tuân thủ theo quy định của pháp luật Việt Nam, đồng thời dựa trên các yêu cầu trong Quy trình xây dựng Bộ tiêu chuẩn của Chương trình Chứng nhận chứng chỉ rừng PEFC.

Bộ tiêu chuẩn này được ban hành nhằm hướng dẫn về quy trình cấp chứng chỉ nhóm theo Hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia, nhằm hỗ trợ các đơn vị quản lý rừng có diện tích nhỏ tham gia chứng chỉ quản lý rừng bền vững.

II. CĂN CỨ BAN HÀNH

- Căn cứ vào Nghị định 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 04 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;
- Căn cứ vào Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 1/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng và phê duyệt việc thành lập và vận hành Hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia;
- Căn cứ vào Quyết định số 83/QĐ-BNN-TCLN ngày 12/01/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt Đề án quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng giai đoạn 2016-2020;
- Căn cứ Quyết định số 3454/QĐ-BNN-TCLN ngày 22 tháng 8 năm 2017 về việc Thành lập Tổ biên soạn xây dựng Bộ tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững và Bộ tiêu chuẩn chuỗi hành trình sản phẩm gỗ;
- Căn cứ vào Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 về Quy định về Quản lý rừng bền vững;
- Căn cứ vào Bộ tiêu chuẩn chứng chỉ rừng theo nhóm của PEFC (PEFC ST 1002:2018).

III. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI ÁP DỤNG

Bộ tiêu chuẩn này quy định những yêu cầu cấp chứng chỉ quản lý rừng theo nhóm cho các chủ rừng là tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, nhóm hộ, và cộng đồng dân cư bởi một chứng chỉ nhóm theo Hệ thống Chứng chỉ rừng quốc gia.

Bộ tiêu chuẩn là cơ sở để các Tổ chức cấp chứng chỉ sử dụng để đánh giá và cấp chứng chỉ rừng theo nhóm theo Hệ thống Chứng chỉ rừng quốc gia.

Bộ Tiêu chuẩn này yêu cầu xây dựng một Cơ cấu tổ chức bao gồm Chủ thể nhóm và các thành viên. Chủ thể sẽ đại diện cho các chủ sở hữu/ quản lý rừng riêng lẻ trong việc tham gia cấp chứng chỉ rừng; đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn về quản lý rừng bền vững theo Hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia; và thực hiện các hoạt động đánh giá nội bộ nhóm.

IV. GIẢI THÍCH CÁC TỪ NGỮ

4.1. Các bên liên quan bị ảnh hưởng

Tổ chức, cá nhân có thể bị ảnh hưởng trực tiếp đến điều kiện sống và làm việc bởi các hoạt động của Tổ chức nhóm.

Chú ý 1: Các bên liên quan bị ảnh hưởng có thể bao gồm cộng đồng dân cư, người dân địa phương, người lao động,... Tuy nhiên, đối với các bên liên quan khác (ví dụ các tổ chức phi chính phủ, cộng đồng khoa học cũng như các tổ chức xã hội) thì sự ảnh hưởng đến họ là khác nhau.

Chú ý 2: Một tổ chức, cá nhân có khả năng trở thành một chủ thể được cấp chứng chỉ, ví dụ: chủ rừng hoặc doanh nghiệp chế biến gỗ.

4.2. Hoạt động đánh giá

Là quá trình hồ sơ hóa một cách độc lập có tính hệ thống nhằm thu thập các hồ sơ, tài liệu hoặc những thông tin liên quan và đánh giá chúng một cách khách quan, trung thực, qua đó xác định mức độ đáp ứng các yêu cầu đã được quy định.

4.3. Diện tích rừng được cấp chứng chỉ

Là phần diện tích nằm trong phạm vi đã được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững theo tiêu chuẩn VFCS ST 1003: 2019.

Trong trường hợp chứng chỉ rừng được cấp là chứng chỉ nhóm thì diện tích được cấp chứng chỉ là tổng diện tích rừng của toàn bộ các thành viên nhóm đã được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững theo nhóm.

4.4. Thông tin dữ liệu

Là những thông tin bắt buộc phải được kiểm soát và duy trì của một tổ chức, có thể được lưu trữ bằng bất kỳ hình thức nào, từ bất kỳ nguồn nào.

4.5. Tài liệu xác nhận sự tham gia vào Chứng chỉ nhóm

Là một văn bản được cấp cho thành viên nhóm và xác nhận quyền và trách nhiệm của họ khi tham gia chứng chỉ nhóm.

Chú ý: Văn bản xác nhận tham gia nhóm có thể được coi là một chứng chỉ phụ hoặc một xác nhận tham gia chứng chỉ nhóm.

4.6. Chủ sở hữu/quản lý rừng

Một cá nhân, một nhóm hoặc một chủ thể có tư cách pháp nhân có quyền sở hữu hợp pháp hoặc quyền sử dụng, hoặc thực thi các quyền sở hữu truyền thống, có quyền quản lý rừng ở những khu vực **diện tích rừng được cấp chứng chỉ** và

họ có đủ năng lực thực hiện các quy định của tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững trong khu vực này.

4.7. Chủ thể nhóm

Là một chủ thể hợp pháp đại diện cho các thành viên nhóm có trách nhiệm cho việc đảm bảo sự tuân thủ các yêu cầu và quy định trong Bộ tiêu chuẩn quản lý rừng (VFCS-FM ST 1003:2019) tại những diện tích rừng đã được cấp chứng chỉ và những yêu cầu khác theo Hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia. Chủ thể nhóm có quyền và trách nhiệm sử dụng Hệ thống quản lý nhóm để điều hành các hoạt động của Tổ chức nhóm.

Chú ý: Cơ cấu của một Chủ thể nhóm phải dựa vào quy mô hoạt động, số lượng thành viên nhóm cũng như những điều kiện cơ bản khác của Tổ chức nhóm. Chủ thể nhóm cũng có thể được đại diện bởi một cá nhân.

4.8. Chứng nhận rừng theo nhóm

Là một văn bản xác nhận Tổ chức nhóm tuân thủ các quy định của Bộ tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững (VFCS-FM ST 1003:2019) và các quy định khác của Hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia.

4.9. Chứng chỉ rừng theo nhóm

Là chứng chỉ của một Tổ chức nhóm, được cấp cho một diện tích rừng cụ thể và được đứng tên bởi Chủ thể nhóm.

4.10. Kế hoạch quản lý nhóm

Thông tin dữ liệu về mục tiêu cụ thể, kế hoạch hành động và giám sát. Tài liệu này cũng bao gồm các thay đổi theo kế hoạch của hệ thống quản lý nhóm và các quy định của tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững ở mức độ quản lý nhóm.

4.11. Hệ thống quản lý nhóm

Là tập hợp các yếu tố tác động qua lại của một tổ chức nhằm đạt được các mục tiêu và kết quả của tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững.

4.12. Tổ chức nhóm

Là một nhóm gồm các **thành viên nhóm** và được đại diện một **chủ thể nhóm** có nhiệm vụ thực hiện các hoạt động liên quan đến quản lý rừng được quy định trong Bộ tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững (VFCS-FM ST 1003:2019) nhằm đạt được chứng chỉ nhóm theo Hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia. Cơ chế hoạt động, chức năng và nhiệm vụ của thành viên và chủ thể nhóm sẽ được quy định thông qua một cam kết chính thức bằng văn bản.

Thuật ngữ “**tổ chức nhóm**” cũng sẽ được hiểu là tổ chức theo khu vực/vùng khi tổ chức này được mở rộng dựa vào ranh giới hành chính hoặc các điều khoản khác được quy định theo hệ thống VFCS, đồng thời phải tuân thủ các nội dung được đề cập trong định nghĩa này.

4.13. Đánh giá nội bộ

Là quá trình hồ sơ hóa một cách độc lập có tính hệ thống nhằm thu thập các tài liệu, văn bản, báo cáo hoặc những thông tin liên quan và đánh giá chúng một cách khách quan, trung thực nhằm xác định mức độ đáp ứng đối với các yêu cầu cụ thể, và được thực hiện bởi chính **tổ chức nhóm** (Đánh giá của bên thứ nhất).

4.14. Giám sát

Là việc xác định tình trạng của một hệ thống, một quá trình hoặc một hoạt động.

4.15. Tổ chức

Là một người hoặc một nhóm người có chức năng chuyên trách với vai trò, trách nhiệm và quyền hạn cũng như các mối quan hệ riêng để đạt được mục tiêu của nhóm.

4.16. Thành viên nhóm

Là một chủ sở hữu/người quản lý rừng hoặc chủ thể khác có tên trong **Chứng nhận rừng theo nhóm**, là người có quyền hợp pháp để quản lý rừng trong một **diện tích đã được cấp chứng chỉ** và có đủ năng lực thực hiện những quy định của Bộ tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững theo Hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia.

Chú ý: Liên quan đến yêu cầu “có đủ năng lực thực hiện những quy định của tiêu chuẩn Quản lý rừng bền vững” đòi hỏi, Chủ thể nhóm phải có tư cách đại diện pháp lý trong một thời gian nhất định để quản lý rừng, và không nên kết nạp các nhà thầu, đơn vị hay cá nhân hoạt động quản lý rừng mang tính chất thời vụ trong chứng chỉ quản lý rừng theo nhóm.

4.17. Chính sách

Phương hướng và định hướng của một **tổ chức** được công khai chính thức bởi người quản lý/ chủ sở hữu hoặc **chủ thể nhóm**.

4.18. Các bên liên quan

Là **tổ chức**, cá nhân, nhóm, cộng đồng cùng quan tâm đến mục tiêu và các quy định của tiêu chuẩn.

V. BỐI CẢNH CỦA TỔ CHỨC NHÓM

5.1. Tổ chức nhóm và bối cảnh của tổ chức nhóm

Quản lý rừng bền vững theo nhóm yêu cầu phải xác định các vấn đề bên trong và bên ngoài của **tổ chức nhóm** liên quan đến nhau như thế nào. Cơ cấu tổ chức của một **tổ chức nhóm** thường được xác định thông qua các yếu tố dưới đây:

- a) Nhóm phân chia theo khu vực: nhóm **chủ rừng/quản lý rừng** được xác định bởi ranh giới của khu vực và
- b) Các nhóm khác và/ hoặc
- c) Một số trường hợp đặc biệt có thể ảnh hưởng đến quá trình triển khai **hệ thống quản lý nhóm** (dựa vào thực tế khi triển khai tổ chức nhóm).

5.2. Những nhu cầu và mong muốn của các bên chịu ảnh hưởng

5.2.1. Quản lý rừng bền vững theo nhóm yêu cầu **tổ chức nhóm** phải làm rõ các khía cạnh sau:

- a) những **bên liên quan chịu ảnh hưởng** bởi **hệ thống quản lý nhóm** và
- b) những mong muốn liên quan của **bên liên quan chịu ảnh hưởng**.

5.3. Xác định phạm vi của hệ thống quản lý nhóm

5.3.1. Quản lý rừng bền vững theo nhóm sẽ đưa ra những khái niệm liên quan đến những thuật ngữ được sử dụng mà đã được đề cập ở mục 4.

- a) **Tổ chức nhóm** và những yếu tố cấu thành nên **tổ chức nhóm** (bao gồm **chủ thể nhóm** và **thành viên nhóm**):
- b) **Diện tích rừng được cấp chứng,**
- c) Chứng nhận rừng theo nhóm và
- d) Tài liệu xác nhận sự tham gia vào Chứng chỉ nhóm.

5.3.2. Quản lý rừng bền vững theo nhóm yêu cầu phải xây dựng phạm vi áp dụng của **Hệ thống quản lý nhóm**, giới hạn và khả năng áp dụng của **Hệ thống quản lý nhóm**.

5.3.3. Quản lý rừng bền vững theo nhóm phải xác định rõ những yêu cầu nào của bộ tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững (VFCS ST 1003: 2019) có thể đáp ứng ở mức quản lý nhóm.

5.3.4. Quản lý rừng bền vững theo nhóm yêu cầu phạm vi áp dụng của Hệ thống quản lý nhóm và phải được phổ biến dưới dạng **Thông tin dữ liệu**.

5.4. Hệ thống quản lý nhóm

5.4.1. Quản lý rừng bền vững theo nhóm quy định tất cả **thành viên nhóm** phải chịu sự giám sát nội bộ và đánh giá nội bộ.

5.4.2. Quản lý rừng bền vững theo nhóm quy định nếu một chủ thể nhóm đóng vai trò như một người buôn bán các sản phẩm có nguồn gốc từ rừng và không có trong danh sách chứng chỉ nhóm thì phải có một chứng nhận về hệ thống chuỗi hành trình sản phẩm (CoC) của VFCS/PEFC.

VI. CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ CỦA TỔ CHỨC NHÓM

6.1. Vai trò, trách nhiệm và quyền hạn của tổ chức nhóm

6.1.1. Chức năng và nhiệm vụ của chủ thể nhóm

Chức năng và nhiệm vụ của **chủ thể nhóm** được quy định cụ thể như sau:

- a) Triển khai và duy trì hệ thống quản lý hiệu quả cho các **thành viên nhóm**;
- b) Đại diện cho **tổ chức nhóm** trong quá trình xin cấp chứng chỉ, bao gồm việc trao đổi và liên hệ với Tổ chức chứng nhận (CB), nộp hồ sơ xin cấp chứng chỉ, lựa chọn và ký kết hợp đồng với Tổ chức chứng nhận;
- c) Xây dựng các quy trình bằng văn bản cho việc quản lý của **tổ chức nhóm**.
- d) Xây dựng quy trình văn bản và hướng dẫn chuẩn bị hồ sơ cho việc kết nạp thêm **thành viên mới** của **tổ chức nhóm**. Thủ tục kết nạp thành viên mới phải bao gồm việc xác minh thông tin của người tham gia như địa chỉ liên lạc cụ thể, hồ sơ rừng và đất rừng của người tham gia cũng như quy mô diện tích rừng của họ.
- e) Xây dựng quy trình văn bản cho các hoạt động bao gồm việc đình chỉ và truất quyền **thành viên nhóm** không tuân thủ quy định của tổ chức nhóm. **Thành viên nhóm** bị loại trừ khỏi bất kỳ nhóm chứng nhận nào do sự không tuân thủ sẽ không được kết nạp lại là thành viên trong vòng 12 tháng kể từ khi bị loại trừ.
- f) Lưu trữ các **Thông tin dữ liệu**, bao gồm:
 - i. Sự tuân thủ của **chủ thể nhóm** và **thành viên nhóm** đối với các yêu cầu của tiêu chuẩn VFCS ST 1003: 2019, cũng như các yêu cầu khác của hệ thống VFCS.
 - ii. Hồ sơ của toàn bộ thành viên nhóm, bao gồm địa chỉ liên lạc, quy mô diện tích, hồ sơ rừng và đất rừng của họ.
 - iii. Hồ sơ về diện tích đã được cấp chứng chỉ,
 - iv. Hồ sơ liên quan đến quá trình triển khai quy trình giám sát nội bộ, hoạt động rà soát và bất kỳ hoạt động phòng ngừa và/hoặc khắc phục nào đã được thực hiện;

g) Xây dựng mối liên hệ với tất cả các **thành viên nhóm** trên cơ sở thỏa thuận bằng văn bản ràng buộc, trong đó phải bao gồm cam kết về việc tuân thủ tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững VFCS ST 1003: 2019 của **thành viên nhóm**. **Chủ thể nhóm** phải có hợp đồng bằng văn bản hoặc thỏa thuận bằng văn bản khác với tất cả **thành viên nhóm** bao gồm quyền của **chủ thể nhóm** để thực hiện và thực thi bất kỳ biện pháp khắc phục hoặc phòng ngừa nào, và quyền loại trừ thành viên nhóm ra khỏi phạm vi chứng nhận trong trường hợp họ không tuân thủ theo tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững VFCS ST 1003: 2019;

Chú ý: Các quy định về cam kết đối với thành viên nhóm và hợp đồng hoặc những văn bản thỏa thuận khác của các thành viên nhóm có thể được thay thế bằng cam kết và biên bản thỏa thuận của một tổ chức trước đó hoặc sự tham gia vào một nhóm của các thành viên đã có trước đó, ví dụ như chủ rừng/hiệp hội, trách nhiệm pháp lý để đại diện cho những người tham gia, và là nơi mà những cam kết, thỏa thuận và điều kiện của hợp đồng có tính bắt buộc.

- h) Cung cấp cho tất cả **thành viên nhóm** một văn bản xác nhận sự tham gia của họ vào **chứng chỉ nhóm**;
- i) Cung cấp cho tất cả **thành viên nhóm** những thông tin và hướng dẫn được yêu cầu nhằm triển khai và duy trì hiệu quả sự tuân thủ các quy định về quản lý rừng bền vững và những quy định khác của hệ thống VFCS.
- j) Giải quyết những vấn đề chưa phù hợp được xác định theo quy định của hệ thống VFCS, nếu được báo cáo từ các thành viên nhóm để đảm bảo việc tuân thủ được thực hiện với tất cả các thành viên nhóm;
- k) Thực hiện chương trình **giám sát** nội bộ phục vụ cho việc đánh giá sự tuân thủ của các **thành viên nhóm** với các quy định của chứng nhận.
- l) Thực hiện chương trình **đánh giá nội bộ** hàng năm cho **thành viên nhóm** và **chủ thể nhóm**;
- m) Thực hiện việc đánh giá quản lý của chứng nhận rừng theo nhóm và thực thi các kết quả đánh giá;
- n) Hợp tác và hỗ trợ trong việc đáp ứng hiệu quả tất cả các yêu cầu từ Tổ chức chứng nhận (CB), Tổ chức công nhận (AB), hoặc Cơ quan chủ quản hệ thống (VFCO) về các thông tin dữ liệu, tài liệu hoặc thông tin khác có liên quan; cho phép tiếp cận khu vực rừng được quản lý bởi **tổ chức nhóm** và các cơ sở khác, cho dù có hay không có liên quan đến việc đánh giá chính thức hoặc kiểm tra các vấn đề liên quan khác đến hệ thống quản lý;

6.1.2. Chức năng và nhiệm vụ của thành viên nhóm

Chức năng và nhiệm vụ của **thành viên nhóm** được quy định cụ thể như sau:

- a) Có trách nhiệm cung cấp cho **chủ thể nhóm** một biên bản thỏa thuận bắt buộc, bao gồm sự cam kết tuân thủ theo tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững (VFCS ST 1003: 2019) và những yêu cầu khác của hệ thống VFCS; thành viên nhóm bị khai trừ ra khỏi nhóm không được kết nạp trở lại trong vòng 12 tháng tính từ khi bị loại ra khỏi nhóm.

***Chú ý:** Các quy định về cam kết đối với thành viên nhóm và hợp đồng hoặc những văn bản thỏa thuận khác của các thành viên nhóm có thể được thay thế bằng cam kết và biên bản thỏa thuận của một tổ chức trước đó hoặc sự tham gia vào một nhóm của các thành viên đã có trước đó, ví dụ như chủ rừng/hiệp hội, trách nhiệm pháp lý để đại diện cho những người tham gia, và là nơi mà những cam kết, thỏa thuận và điều kiện của hợp đồng có tính bắt buộc.*

- b) Có trách nhiệm thông báo cho **chủ thể nhóm** những thông tin về việc đã từng gia nhập nhóm trước đây;
- c) Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững (VFCS ST 1003: 2019) và những quy định khác của VFCS;
- d) Phối hợp và hợp tác trong việc phản hồi hiệu quả đến tất cả những yêu cầu từ **chủ thể nhóm** hoặc Tổ chức chứng nhận (CB) về các thông tin dữ liệu, tài liệu hoặc thông tin khác có liên quan; cho phép tiếp cận khu vực rừng được quản lý bởi **tổ chức nhóm** và các cơ sở khác, cho dù có hay không có liên quan đến việc đánh giá chính thức hoặc kiểm tra các vấn đề liên quan khác đến hệ thống quản lý;
- e) Có trách nhiệm thông báo cho **chủ thể nhóm** về những điểm chưa phù hợp được xác định theo quy định của hệ thống VFCS;
- f) Thực hiện các biện pháp khắc phục và phòng ngừa có liên quan được xây dựng bởi **chủ thể nhóm**.

6.2. Thực hiện cam kết và chính sách

6.2.1. Chủ thể nhóm phải thực hiện một số cam kết sau:

- a) Tuân thủ các quy định về quản lý rừng bền vững (VFCS ST 1003: 2019) và những quy định khác của hệ thống VFCS;
- b) Tích hợp các quy định của chứng chỉ nhóm trong **hệ thống quản lý nhóm**;
- c) Không ngừng cải tiến **hệ thống quản lý nhóm**;
- d) Hỗ trợ thành viên nhóm trong việc nâng cao năng lực về quản lý rừng và đất rừng bền vững;

6.2.2. Việc thực hiện cam kết của **chủ thể nhóm** có thể là một phần của **chính sách** trong quản lý nhóm và phải được công bố rộng rãi dưới dạng **Thông tin dữ liệu** theo yêu cầu.

6.2.3. **Thành viên nhóm** phải thực hiện các cam kết sau:

- a) tuân thủ những quy định của hệ thống quản lý;
- b) thực thi các quy định về tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững trong diện tích rừng họ quản lý.

VII. LẬP KẾ HOẠCH

7.1. Quản lý rừng bền vững theo nhóm yêu cầu nếu **tổ chức nhóm** có bất kỳ sự thay đổi nào trong **hệ thống quản lý nhóm** thì những thay đổi này phải được thể hiện trong **kế hoạch quản lý nhóm**.

7.2. Quản lý rừng bền vững theo nhóm yêu cầu Nếu **một tổ chức nhóm** quyết định tuân thủ các quy định về quản lý rừng bền vững ở cấp độ nhóm, thì những yêu cầu này phải được đề cập trong **kế hoạch quản lý nhóm**.

VIII. HỖ TRỢ

8.1. Quản lý rừng bền vững theo nhóm yêu cầu phải xác định và đáp ứng những nguồn lực cần thiết cho việc xây dựng, thực hiện, duy trì và không ngừng cải tiến **hệ thống quản lý nhóm**.

8.2. Quản lý rừng bền vững theo nhóm yêu cầu phải xác định năng lực cần thiết của nguồn nhân lực làm việc trong **hệ thống quản lý nhóm**.

8.3. Các hoạt động truyền thông phải được thực hiện để nâng cao nhận thức của **thành viên nhóm** liên quan đến:

- a) **Chính sách** quản lý nhóm;
- b) Quy định theo tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững;
- c) Sự đóng góp của thành viên nhóm vào hiệu quả của **hệ thống quản lý nhóm** và quản lý rừng bền vững.
- d) Các tác động của việc không tuân thủ đối với các yêu cầu của **hệ thống quản lý nhóm**.

8.4. Quản lý rừng bền vững theo nhóm yêu cầu các thông tin liên lạc bên trong và bên ngoài có liên quan đến **hệ thống quản lý nhóm** phải được xác định, bao gồm:

- a) Giao tiếp về cái gì;
- b) Giao tiếp khi nào;

- c) Giao tiếp với ai;
- d) Giao tiếp như thế nào.

8.5. Quản lý rừng bền vững theo nhóm yêu cầu phải có các cơ chế phù hợp để giải quyết các khiếu nại và tranh chấp liên quan đến quản lý nhóm và hoạt động quản lý rừng bền vững.

8.6. Các **thông tin dữ liệu** liên quan đến **hệ thống quản lý nhóm** và phù hợp với các quy định của tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững là:

- a) Cập nhật;
- b) Còn hiệu lực và phù hợp để sử dụng, ở đâu và khi nào cần;
- c) Được bảo vệ đầy đủ để tránh trình trạng rò rỉ thông tin, sử dụng thông tin không đúng cách hoặc thiếu chính xác.

IX. VẬN HÀNH HOẠT ĐỘNG TỔ CHỨC NHÓM

9.1. Quản lý rừng bền vững theo nhóm yêu cầu **Tổ chức nhóm** phải lập kế hoạch, các quy trình thực hiện và kiểm soát cần thiết:

- a) Để đáp ứng các yêu cầu của tiêu chuẩn chứng nhận nhóm và tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững, và
- b) Để thực hiện các hoạt động được liệt kê trong mục VII.

9.2. Việc lập kế hoạch, thực hiện và kiểm soát phải được thực hiện bằng cách:

- a) Xác định các quy trình cần thiết và xây dựng các tiêu chí cho những quy trình đó;
- b) Thực hiện kiểm soát các quy trình theo các tiêu chí;
- c) Lưu giữ **thông tin dữ liệu** ở mức độ cần thiết để đảm bảo rằng các quy trình đã được thực hiện theo đúng kế hoạch.

X. ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN QUẢN LÝ RỪNG THEO NHÓM

10.1. Theo dõi, đo đếm, phân tích và đánh giá

10.1.1. Quản lý rừng bền vững theo nhóm yêu cầu một chương trình **giám sát nội bộ** phải đưa ra những bằng chứng xác thực về sự tuân thủ của **tổ chức nhóm** trong việc thực hiện tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững. Cụ thể, các bằng chứng này sẽ được xác định thông qua các yêu cầu dưới đây:

- a) Cái gì được theo dõi và đo đếm;

b) Các phương pháp theo dõi, đo đếm, phân tích và đánh giá, có thể áp dụng, để đảm bảo kết quả hợp lệ;

c) Khi nào việc giám sát và đo đếm phải được thực hiện;

d) Khi nào thì các kết quả từ hoạt động giám sát và đo đếm phải được phân tích và đánh giá;

e) **Thông tin dữ liệu** nào phải có và nó được coi là bằng chứng cho những kết luận.

10.1.2. Quản lý rừng bền vững theo nhóm yêu cầu **chủ thể nhóm** phải đánh giá năng lực quản lý nhóm và hiệu quả của **hệ thống quản lý nhóm** liên quan đến việc thực hiện các quy định quản lý rừng bền vững.

10.2. Đánh giá nội bộ

10.2.1. Mục tiêu

10.2.1.1 Quản lý rừng bền vững theo nhóm yêu cầu chương trình đánh giá nội bộ hàng năm phải cung cấp thông tin về việc **hệ thống quản lý nhóm** có:

a) Phù hợp với:

i. Các yêu cầu riêng của **tổ chức nhóm** đối với **hệ thống quản lý nhóm**;

ii. Các quy định của tiêu chuẩn chứng nhận nhóm

b) Đảm bảo việc thực hiện tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững ở cấp độ **thành viên nhóm**;

c) Được thực hiện và duy trì một cách hiệu quả.

10.2.1.2 Quản lý rừng bền vững theo nhóm yêu cầu chương trình đánh giá nội bộ phải bao gồm cả **chủ thể nhóm** và tất cả **thành viên nhóm**. **Chủ thể nhóm** phải được đánh giá hàng năm, trong khi **thành viên nhóm** có thể được lựa chọn để đánh giá trên cơ sở chọn mẫu.

10.2.2. Cách thức tổ chức và tiến hành đánh giá

Quản lý rừng bền vững theo nhóm yêu cầu một chương trình **đánh giá nội bộ** phải bao gồm các hoạt động dưới đây:

a) Lập kế hoạch, xây dựng, thực hiện và duy trì một hoặc nhiều chương trình đánh giá bao gồm tần suất, phương pháp, trách nhiệm, yêu cầu lập kế hoạch và báo cáo. Việc này cần phải cân nhắc đến tầm quan trọng của các quy trình liên quan và kết quả của các đợt đánh giá trước đó;

b) Nêu rõ các tiêu chí đánh giá và phạm vi cho mỗi cuộc **đánh giá**;

c) Năng lực của đánh giá viên nội bộ (kiến thức liên quan đến rừng và tiêu chuẩn);

d) Lựa chọn chuyên gia đánh giá và thực hiện đánh giá để đảm bảo tính khách quan và sự công bằng của quy trình đánh giá;

e) Phải đảm bảo rằng kết quả đánh giá được báo cáo cho quản lý nhóm có liên quan;

f) Lưu giữ các thông tin dữ liệu như là bằng chứng của hoạt động thực hiện chương trình đánh giá và các kết quả đánh giá.

10.3. Cách lựa chọn thành viên nhóm trong hoạt động đánh giá nội bộ

10.3.1. Yêu cầu chung

10.3.1.1. Quản lý rừng bền vững theo nhóm yêu cầu xây dựng các quy định để lựa chọn **thành viên nhóm** cho hoạt động đánh giá nội bộ. Những yêu cầu này bao gồm các bước sau đây nhằm:

a) Xác định dung lượng mẫu/số lượng thành viên nhóm (xem chi tiết ở mục 9.3.2);

b) Xác định nhóm mẫu (xem chi tiết ở mục 9.3.3);

c) Phân phối dung lượng mẫu theo các nhóm mẫu (xem chi tiết ở mục 9.3.4);

d) Lựa chọn **thành viên nhóm** (xem chi tiết ở mục 9.3.5).

10.3.1.2. Quản lý rừng bền vững theo nhóm có thể phải bổ sung thêm các yêu cầu liên quan đến khu vực và quốc gia.

10.3.1.3. Quản lý rừng bền vững theo nhóm phải xác định các yêu cầu lấy mẫu bổ sung trong trường hợp có sự tham gia của các **tổ chức nhóm** hoặc sự tham gia của nhóm hoặc các thành viên, ví dụ như các hiệp hội của chủ rừng/quản lý rừng, chương trình quản lý rừng bền vững trước đó.

10.3.2. Phương pháp xác định kích cỡ mẫu

10.3.2.1. Dung lượng mẫu được tính toán trên cơ sở số lượng **thành viên nhóm** của **tổ chức nhóm**.

10.3.2.2. Dung lượng lấy mẫu phải là \sqrt{n} của số lượng thành viên nhóm và được làm tròn lên.

10.3.2.3. Dung lượng mẫu có thể được điều chỉnh theo một hoặc nhiều tiêu chí sau:

a) Trường hợp có kết quả đánh giá rủi ro, dựa vào kết quả này sai số mẫu của nhóm rủi ro thấp hoặc cao phải được xác định;

- b) Kết quả của **đánh giá nội bộ** hoặc **các đánh giá** chứng nhận trước đó;
- c) Chất lượng / mức độ tin cậy của chương trình **giám sát** nội bộ;
- d) Sử dụng công nghệ để thu thập thông tin liên quan đến từng yêu cầu cụ thể;

Lưu ý: Các công nghệ được sử dụng ở đây có thể là: sử dụng dữ liệu vệ tinh hoặc thiết bị bay không người lái mà qua đó cho phép kết luận việc tuân thủ các yêu cầu cụ thể của tiêu chuẩn bền vững hoặc hỗ trợ lấy mẫu dựa trên sự đánh giá rủi ro.

- e) Dựa trên các phương tiện khác để thu thập thông tin về các hoạt động trên mặt đất.

Lưu ý: Một trong những phương tiện khác có thể áp dụng đó là thông qua việc phỏng vấn những người tham gia, qua đó họ có thể cung cấp thêm một số thông tin về các hoạt động đang triển khai của họ.

10.3.3. Xác định loại mẫu

10.3.3.1. Các loại mẫu phải được xây dựng dựa trên kết quả đánh giá rủi ro. Các chỉ số được sử dụng trong đánh giá rủi ro phải phản ánh được phạm vi địa lý của tiêu chuẩn. Danh sách chưa đầy đủ các chỉ số sau đây có thể được sử dụng để đánh giá rủi ro:

- a) Loại hình sở hữu (ví dụ: rừng thuộc quản lý nhà nước, rừng thuộc quản lý của cộng đồng, rừng tư nhân);
- b) Quy mô của các đơn vị quản lý (sự khác nhau trong phân cấp quản lý);
- c) Khu vực địa sinh học (ví dụ: vùng đất thấp, dãy núi thấp, dãy núi cao);
- d) Hoạt động, quy trình và sản phẩm của **thành viên nhóm** tiềm năng;
- e) Các hoạt động phá rừng và chuyển đổi mục đích sử dụng đất rừng;
- f) Chu kỳ kinh doanh;
- g) Sự phong phú về đa dạng sinh học;
- h) Giá trị giải trí và các chức năng kinh tế xã hội khác của rừng;
- i) Sự phụ thuộc và tương tác qua lại giữa cộng đồng và người dân địa phương;
- j) Các nguồn lực sẵn có cho các hoạt động quản trị, điều hành, đào tạo và nghiên cứu;
- k) Quản trị và thực thi pháp luật.

10.3.3.2. Các điều kiện có thể dẫn đến những rủi ro cho từng chỉ số ở mức thấp, trung bình và cao và hậu quả tương ứng đối với việc lấy mẫu thì phải được xác định.

10.3.4. Xác định phân bố các loại mẫu

Mẫu phải được rải đều cho từng nhóm mẫu dựa trên kết quả đánh giá rủi ro.

10.3.5. Lựa chọn thành viên nhóm

10.3.5.1 Ít nhất 25% dung lượng mẫu phải được chọn ngẫu nhiên.

10.3.5.2 Quy trình dựa trên phân tích rủi ro để lựa chọn thành viên nhóm phải được xác định cụ thể.

10.4. Rà soát việc quản lý

10.4.1. Việc rà soát hàng năm ít nhất phải bao gồm các mục dưới đây:

- a) Tình trạng hoạt động của các rà soát trước đó;
- b) Thay đổi các vấn đề bên ngoài và bên trong có liên quan đến **hệ thống quản lý nhóm**;
- c) Tình trạng tuân thủ tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững, bao gồm việc xem xét kết quả của chương trình **giám sát** nội bộ, đánh giá nội bộ và các hoạt động đánh giá và giám sát của Tổ chức chứng nhận.
- d) Thông tin về năng lực thực hiện của nhóm, bao gồm các xu hướng trong việc:
 - i. Sự không tuân thủ và hành động khắc phục;
 - ii. Kết quả **giám sát** và đo đếm;
 - iii. Kết quả đánh giá;
- e) Cơ hội để không ngừng cải tiến.

10.4.2 Quản lý rừng bền vững theo nhóm yêu cầu các kết quả đầu ra của hoạt động rà soát quản lý phải bao gồm các quyết định liên quan đến các cơ hội cải tiến liên tục và bất kỳ nhu cầu thay đổi nào đối với **hệ thống quản lý nhóm**.

10.4.3 Quản lý rừng theo nhóm yêu cầu **tổ chức nhóm** phải lưu giữ **Thông tin dữ liệu** để làm bằng chứng về kết quả rà soát quản lý.

XI. SỰ CẢI TIẾN

11.1. Sự không tuân thủ và hành động khắc phục

11.1.1. Quản lý rừng bền vững theo nhóm yêu cầu khi xảy ra sự không tuân thủ, **tổ chức nhóm** phải:

a) Có hành động khắc phục sự không tuân thủ, ví dụ:

i. Thực hiện hành động kiểm soát và sửa chữa những sai sót;

ii. Giải quyết hậu quả;

b) Đánh giá sự cần thiết cần phải có hành động để loại bỏ các nguyên nhân của việc không tuân thủ, để đảm bảo rằng nó sẽ không tái diễn hoặc xảy ra ở nơi khác, bằng cách:

i. Kiểm tra lại những điểm không phù hợp, không tuân thủ;

ii. Xác định nguyên nhân của việc không tuân thủ;

iii. Xác định những sự việc không tuân thủ tương tự có còn tồn tại, hoặc có khả năng xảy ra hay không;

c) Thực hiện bất kỳ hành động cần thiết nào;

d) Rà soát hiệu quả của những hành động khắc phục đã được thực hiện;

e) Thay đổi **hệ thống quản lý nhóm**, nếu cần thiết.

10.1.2. Quản lý rừng bền vững theo nhóm yêu cầu **tổ chức nhóm** phải lưu giữ Thông tin dữ liệu để làm bằng chứng về:

a) Bản chất của sự không phù hợp và bất kỳ hành động tiếp theo nào được thực hiện;

b) Kết quả của bất kỳ hành động khắc phục nào.

11.1.3 Quản lý rừng bền vững theo nhóm yêu cầu đối với **thành viên nhóm** bị loại khỏi nhóm, nếu muốn được kết nạp lại vào tổ chức nhóm thì họ phải được đánh giá nội bộ bởi chủ thể nhóm. Việc đánh giá nội bộ này phải tiến hành sau ít nhất 12 tháng kể từ ngày thành viên đó bị loại ra khỏi nhóm.

11.2. Không ngừng cải tiến

Quản lý rừng bền vững theo nhóm yêu cầu tính bền vững, công bằng và hiệu quả của **hệ thống quản lý nhóm** và quản lý rừng bền vững phải không ngừng được cải tiến.